

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 50 /Công Ty CP Acecook Việt Nam/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM

Địa chỉ: LÔ SỐ II-3, ĐƯỜNG SỐ 11, NHÓM CN II, KHU CÔNG NGHIỆP TÂN BÌNH, PHƯỜNG TÂY THẠNH, QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.

Điện thoại: 02838154064 Fax: 02838154067

Email: info@acecookvietnam.com

Mã số doanh nghiệp: 0300808687

Sản phẩm được sản xuất tại các nhà máy của Acecook đã có giấy chứng nhận HACCP

STT	Số giấy CN	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ nhà máy sản xuất
1	VN19/00250	15.10.2019	SGS Việt Nam	Địa chỉ : Khu phố 1B- phường An Phú - thành phố Thuận An - tỉnh Bình Dương. Kí hiệu nhà máy sản xuất: BD
2	VN19/00250	15.10.2019	SGS Việt Nam	Địa chỉ : Đường TS15, Khu công nghiệp Tiên Sơn, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Kí hiệu nhà máy sản xuất: BN

Mã hồ sơ: HNBK4x10/09.22

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm BÚN TƯƠI SẮC KHÔ HÀNG NGÀ

2. Thành phần:

Vất bún: Gạo, tinh bột đậu hà lan, chất làm dày (1404), muối.

Số tiêu chuẩn: TC: B02-22

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

12 tháng kể từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì

Quy cách in ngày sản xuất và hạn sử dụng :

NSX_ ngày_ tháng_ năm_ ký hiệu nhà máy sản xuất và thông tin khác tùy từng nhà máy.

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Qui cách đóng gói và chất liệu bao bì

Qui cách đóng gói:

Khối lượng tịnh của 1 túi (g/túi): 200 g +/- 9 g (50 g/vắt x 4 vắt/túi)

Số lượng túi/thùng carton: 4 túi/thùng.

Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đựng trong bao bì cấu trúc phức hợp, cấu trúc lớp trong PP (polypropylene) tiếp xúc an toàn với thực phẩm. Sau đó các sản phẩm được đóng vào thùng carton.

5. Tên và địa chỉ nhà gia công sản phẩm:

Chi nhánh 1 - CÔNG TY TNHH HOÀN VŨ V.N

297 Đường Lê Minh Nhựt, Ấp Xóm Huế, Xã Tân An Hội, Huyện Cù Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kí hiệu nhà máy sản xuất: "SG"

Giấy chứng nhận HACCP số VN008358 cấp ngày 28.07.2021 tại Bureau Veritas Việt Nam

III. Mẫu nhãn sản phẩm:

Nội dung ghi nhãn phù hợp theo nghị định 43/2017/NĐ-CP và 111/2021/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.

Nhãn đính kèm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

1. Giới hạn kim loại nặng: phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa	QCVN 8-2:2011/BYT
1	Cadimi (Cd)	mg/kg	0,4	Mục 2.19
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,2	Mục 3.18

Mã hồ sơ: HNBK4x10/09.22

2. Giới hạn độc tố vi nấm: phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa	QCVN 8-1:2011/BYT
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2,0	Mục 1.6
2	Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	4,0	Mục 1.6
3	Ochratoxin A	µg/kg	3,0	Mục 2.2

3. Các chỉ tiêu vi sinh vật: phù hợp QĐ 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm, mục 6.5.1 (có xử lý nhiệt trước khi sử dụng)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	cfu/g	10 ⁶
2	Coliform	cfu/g	10 ³
3	E-Coli	cfu/g	10 ²
4	S.aureus	cfu/g	10 ²
5	Cl. Perfringens	cfu/g	10 ²
6	B. cereus	cfu/g	10 ²
7	Tổng số nấm men, nấm mốc	cfu/g	10 ³

4. Chỉ tiêu hóa lý:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa
1	Độ ẩm vắt bún	%	14,0

5. Dao động thành phần dinh dưỡng 1 vắt (50g)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị trên nhãn	Khoảng dao động
1	Giá trị năng lượng (kcal/vắt) (*)	kcal/50g	175	138 ~ 223
2	Hàm lượng chất béo (g/vắt)	g/50g	0,2	0 ~ 1,7
3	Hàm lượng carbohydrate (g/vắt)	g/50g	41,0	32,8 ~ 49,2
4	Hàm lượng chất đạm (g/vắt)	g/50g	2,2	1,8 ~ 2,6

(*)Giá trị năng lượng = hàm lượng chất béo * 9 + hàm lượng carbohydrate * 4 + hàm lượng chất đạm * 4
Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm
Tp Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 09 năm 2022

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

KANEDA HIROKI
GD. Khối Marketing
General Manager, Marketing Div

Mã hồ sơ: HNBK4v10/09.22

Mã hồ sơ: HNBK4x10/09.22

KANEDA HIROKI
GD. Khối Marketing
General Manager, Marketing Div





Mã hồ sơ: HNBK4x10/09.22


KANEDA HIROKI
GD. Khối Marketing
General Manager, Marketing Div